

HỘI THẢO XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI THỦY SẢN MIỀN TRUNG

TỔNG QUAN VỀ RÀO CẢN PHI THUẾ QUAN TRONG XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

Phú Yên, ngày 29 tháng 3 năm 2014

Nguyễn Tử Cương
Nguyên Cục trưởng NAFIQAD
Trưởng ban PTTSBV - VINAFIS
0903421228; fitesvietnam@gmail.com

I. KHÁI NIỆM VỀ HỘI NHẬP KINH TẾ THẾ GIỚI.

1.1. Tổ chức Thương mại thế giới – WTO

Tiền thân của tổ chức Thương mại thế giới – WTO là tổ chức các quốc gia tham gia Hiệp định Thuế quan và thương mại – GATT, được thành lập năm 1947 với 23 quốc gia thành viên. Kinh tế thế giới ngày càng phát triển, quan hệ giữa các quốc gia không dừng lại ở trao đổi hàng hóa mà phát triển sang các lĩnh vực đầu tư, ngân hàng, bảo hiểm, du lịch, sở hữu trí tuệ.... Để đáp ứng nhu cầu đó, năm 1994, các quốc gia thành viên Hiệp định GATT (là 127) đã thống nhất công bố hơn 30 Hiệp định để điều tiết các mối quan hệ trong giao dịch quốc tế và đổi tên thành Tổ chức Thương mại thế giới – WTO.

Mục tiêu của WTO là: *Xây dựng hệ thống thương mại theo hướng tự do và cạnh tranh bình đẳng giữa các quốc gia thành viên.*

1.2. Các loại rào cản trong quan hệ quốc tế.

1.2.1. Biểu đồ tóm tắt các loại “rào cản thuế quan” và “phi thuế quan” trước và sau khi hội nhập kinh tế thế giới

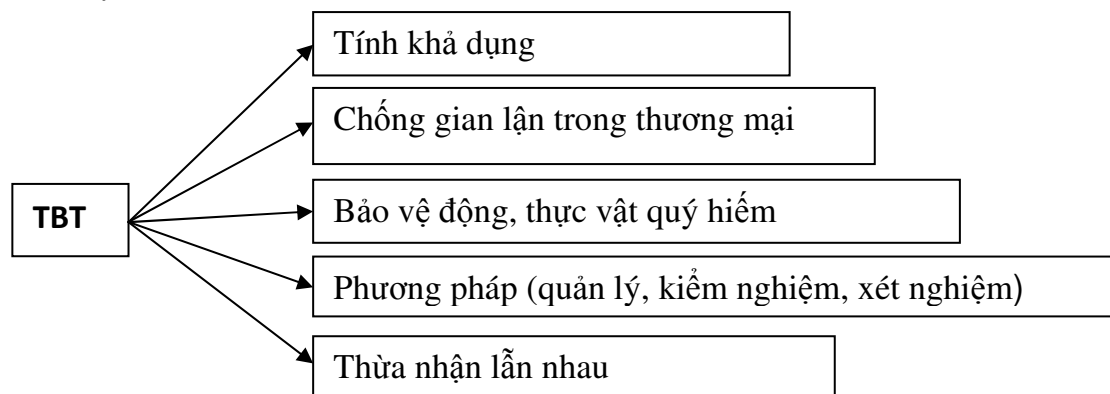
TT	Các loại rào cản	Trước khi hội nhập	Sau khi hội nhập
1	Thuế	Mỗi nước tùy ý áp đặt cho hàng hoá nhập khẩu để bảo hộ hàng hoá nội địa và ngược lại	Cắt giảm tới mức ngang bằng qui định của WTO
2	Hạn ngạch (Quota)		Bị dỡ bỏ
3	Kỹ thuật (TBT)		Đã được quy định thành Hiệp định của WTO
4	ATTP và BD (SPS)		Đã được quy định thành Hiệp định của WTO
5	Các loại rào cản khác: ✓ Chống trợ cấp Chính phủ ✓ Chống bán phá giá ✓ Chống vi phạm nhãn hiệu, bản quyền ✓ Chống vi phạm kiểu dáng công nghiệp...		Đã được quy định thành Hiệp định của WTO

Qua biểu đồ trên cho thấy, kể từ sau khi Việt Nam là thành viên của WTO thì:

a. Rào cản thuế quan: Tất cả các loại thuế đánh vào các mặt hàng của các quốc gia thành viên WTO xuất khẩu vào Việt Nam, chúng ta không được phép áp đặt mức thuế cao hơn mức đã cam kết với tổ chức Thương mại thế giới.

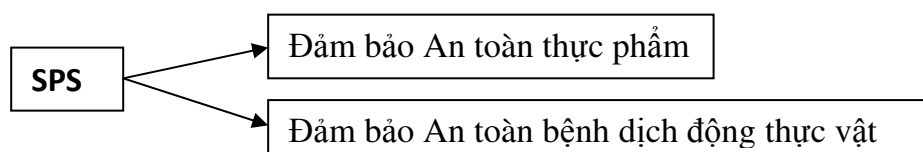
b. Rào cản hạn ngạch: Ngoại trừ một số mặt hàng nông sản (như đường, phân bón,...) còn được áp dụng hạn ngạch theo lộ trình, tất cả các hàng hóa thông thường khác đều không được phép áp đặt hạn ngạch (cấm hoặc hạn chế nhập khẩu).

c. Rào cản kỹ thuật - TBT:



Rào cản TBT chủ yếu đề cập đến giá trị sử dụng (đối với thực phẩm là tính khả dụng); Chống gian lận trong thương mại; Các phương pháp quản lý, kiểm nghiệm, xét nghiệm thường được các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội nghiệp công bố với tên gọi là: **Tiêu chuẩn kỹ thuật** và quy định nguyên tắc thừa nhận, công nhận lẫn nhau về nội dung TBT giữa các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội nghề nghiệp có quan hệ giao dịch hoặc thương mại. **Tiêu chuẩn kỹ thuật trong mọi trường hợp đều không bắt buộc áp dụng.** Chỉ sau khi nó được thừa nhận thì văn bản tiêu chuẩn được thừa nhận sẽ có tính pháp lý.

d. Rào cản an toàn thực phẩm và an toàn bệnh dịch động thực vật – SPS.



Rào cản SPS quy định về vấn đề liên quan đến An toàn trong quá trình sản xuất. Đối với sản xuất thực phẩm là An toàn thực phẩm, An toàn bệnh dịch động, thực vật và An toàn môi trường. Rào cản SPS do Chính phủ các nước công bố với tên gọi là: **Quy chuẩn kỹ thuật và là văn bản bắt buộc áp dụng.** Trong quan hệ thương mại, nếu sản phẩm của nước ngoài không đáp ứng quy định của SPS sẽ không được phép nhập khẩu.

e. Các loại rào cản khác

Theo thống kê chưa đầy đủ, các quốc gia trên thế giới có thể áp dụng khoảng 15 loại “rào cản khác” để chống lại việc tạo ra lợi thế dẫn tới sự cạnh tranh không bình

đẳng giữa sản phẩm cùng loại. Điển hình là các rào cản: “*chống bán phá giá*”; “*rào cản chống trợ cấp của chính phủ*”; “*rào cản chống xâm phạm sở hữu trí tuệ*”, “*rào cản chống xâm phạm bản quyền*”, và rào cản chống việc đặt ra các thủ tục nhằm làm tăng chi phí, kéo dài thời gian nhập khẩu lô hàng, vv...

Tóm lại: Trong thời kỳ hội nhập kinh tế thế giới, các loại rào cản hạn ngạch và rào cản thuế quan sẽ được dỡ bỏ. Nhưng rào cản Kỹ thuật – TBT; rào cản An toàn thực phẩm và An toàn bệnh dịch động thực vật - SPS và nhóm các loại “*rào cản khác*” không những không bị mất đi mà còn được phép tồn tại nhằm đảm bảo sản phẩm trao đổi giữa các quốc gia có chất lượng tốt, an toàn và tự do cạnh tranh trong môi trường tương đương.

1.3. Đổi mới tư duy trong thời kỳ hội nhập kinh tế thế giới.

Sau khi Việt nam chính thức được kết nạp là thành viên thứ 150 của WTO, ngày 10 tháng 2 năm 2007. Phó thủ tướng Vũ Khoan đã có bài viết với tiêu đề “*Đổi mới tư duy trong thời kỳ hội nhập kinh tế thế giới*”. Trong bài viết, Phó thủ tướng đề cập đến 3 vấn đề:

Một là: Phải thay đổi tư duy từ phạm vi quốc gia sang phạm vi toàn cầu.

Khi lập phương án sản xuất một mặt hàng, không thể chỉ dựa vào tình hình cung ứng nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm ở trong nước, mà phải thu thập và xử lý thông tin về sản phẩm và tiêu thụ sản phẩm cùng loại ở các quốc gia trên thế giới để từ đó hoạch định chiến lược sản xuất trước mắt, lâu dài và xây dựng chiến lược cạnh tranh cho sản phẩm.

Hai là: Phải chuyển đổi tư duy từ thói quen ra mệnh lệnh sang việc điều hành theo luật pháp.

Trong thời kỳ hội nhập, mọi cơ chế chính sách phải được xây dựng trên cơ sở khoa học. Việc điều hành nền kinh tế sẽ phải chuyển đổi từ cách hành xử chủ quan, võ đoán, áp đặt và mệnh lệnh sang điều hành dựa trên cơ sở hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

Ba là: Phải chuyển đổi tư duy theo kiểu co cụm, cục bộ, bao cấp sang chủ động tiến công, chủ động chiếm lĩnh thị trường và chủ động cạnh tranh.

Khi đã là thành viên của tổ chức thương mại thế giới những cách hành xử theo kiểu cục bộ, co cụm và bao cấp sẽ phải nhường chỗ cho việc hành xử theo tinh thần chủ động tiến công, chủ động chiếm lĩnh thị trường. Trong lĩnh vực sản xuất hàng hóa tinh thần này được thể hiện qua việc lấy thị trường làm trọng tâm, coi khách hàng là thượng đế và nhiệm vụ của nhà sản xuất là phải làm ra sản phẩm hoặc đưa ra những dịch vụ làm vừa lòng khách hàng.

Bài viết trên của nguyên Phó thủ tướng Vũ Khoan, đến nay vẫn còn nguyên giá trị đối với nhiều ngành và nhiều doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay.

2. RÀO CẢN PHI THUẾ QUAN ĐỐI VỚI HÀNG THỦY SẢN VIỆT NAM TRÊN THẾ GIỚI

2.1. Các loại rào cản phi thuế quan đã xảy ra đối với thủy sản Việt Nam từ 1994 đến nay.

TT	Loại rào cản	Năm áp đặt đầu tiên	Quốc gia áp đặt rào cản	Mức độ tác động tới thủy sản miền Trung
1. Rào cản SPS				
1.1	Tất cả thủy sản làm thức ăn cho người phải đảm bảo an toàn thực phẩm	1994	Hầu hết các quốc gia	Cao
1.2	Giống thủy sản, thủy sản thương phẩm còn sống phải đảm bảo không có mầm bệnh	2002	Hầu hết các quốc gia	Cao
1.3	Thủy sản tươi ướp nước đá có nguồn gốc từ nuôi trồng phải không có mầm bệnh	2005	Một số quốc gia	Cao
1.4	Thủy sản đông lạnh có nguồn gốc từ nuôi trồng phải không chứa mầm bệnh	2007	EU, Úc	Trung bình
1.5	Nhuẩn thể 2 mảnh vỏ sống phải thực hiện chương trình kiểm soát: kim loại nặng, vi khuẩn gây bệnh, độc tố PSP, DSP, ASP	1994	EU, Mỹ, Nhật	Cao
1.6	Thủy sản nuôi trồng phải thực hiện chương trình kiểm soát dư lượng hóa chất độc.	1994	EU, Mỹ, Nhật, Hàn Quốc, Braxin	Cao
1.7	Lô hàng thủy sản phải kèm theo hồ sơ truy xuất nguồn gốc	2005	Hầu hết các quốc gia	Cao
1.8	Thủy sản nuôi phải thực hiện chương trình kiểm soát An toàn thực phẩm; An toàn bệnh dịch; An toàn môi trường; An sinh xã hội.	2014	Hoa kỳ (Luật trang trại)	Trung bình
2. Rào cản TBT				
2.1	Tất cả bao gói sản phẩm đều phải bảo vệ được sản phẩm bên trong, nhãn phải đủ nội dung	1994	Hầu hết các quốc gia	Cao

TT	Loại rào cản	Năm áp đặt đầu tiên	Quốc gia áp đặt rào cản	Mức độ tác động tới thủy sản miền Trung
2.2	Phải thực hiện ghi mã số lô, mã số nước sản xuất	2000	EU, Mỹ và một số quốc gia	Cao
2.3	Xuất khẩu cá ngừ phải kèm theo chứng nhận không dùng dụng cụ đánh bắt có hại động vật quý hiếm	2006	EU, Mỹ, Úc	Cao
2.4	Xuất khẩu thủy sản đánh bắt tự nhiên phải chứng nhận có khai báo và có kiểm soát (IUU).	2007	EU	Cao
3.	Rào cản chống bán phá giá			
3.1	Chống bán phá giá sản phẩm cá tra, ba sa	2003	Mỹ	Thấp
3.2	Chống bán phá giá tôm	2007	Mỹ	Cao
4.	Chống trợ cấp của chính phủ cho sản phẩm tôm nuôi	2013	Mỹ	Cao

Nhận xét và đề xuất

- Đối với rào cản TBT/SPS

Tổ chức Thương mại thế giới; Tổ chức Nông lương thế giới – FAO, thuộc Liên hợp quốc cho phép và khuyến khích các quốc gia đưa ra những quy định (còn gọi là rào cản) nhằm đảm bảo quá trình sản xuất ra thực phẩm nói chung, thủy sản nói riêng, phải đảm bảo An toàn thực phẩm, An toàn bệnh dịch; An toàn môi trường, bảo vệ động vật quý hiếm; Bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động và trong tương lai gần sẽ là Bảo vệ quyền của động vật. Do vậy, các quốc gia xuất khẩu không có cách nào là phải đáp ứng nhằm trước hết bảo vệ nguồn tài nguyên và môi trường của nước mình, sau đó là góp phần bảo vệ trái đất – ngôi nhà chung.

- Đối với rào cản chống bán phá giá

Câu hỏi đặt ra là tại sao cá tra và tôm nước ấm bị kiện chống bán phá giá ở thị trường Hoa Kỳ mà chắc chắn không xảy ra ở EU, Đông Âu. Câu trả lời là chỉ khi hàng nhập khẩu cạnh tranh trực tiếp với sản phẩm cùng loại đang sản xuất trong nước thì mới có kiện chống bán phá giá. Tại thị trường EU giá bán cá tra và giá tôm nước ấm như hiện nay hoặc rẻ hơn nữa cũng không bao giờ có kiện chống bán phá giá.

- Rào cản chống trợ cấp của chính phủ

Quy định của WTO và các tổ chức quốc tế thuộc Liên hợp quốc: Nếu mục đích đầu tư của chính phủ nhằm nâng cao đời sống cộng đồng dân cư ở vùng nuôi tôm như đưa điện, nước sạch về nông thôn, nâng cấp mạng lưới y tế trường học, đầu tư chống biến đổi khí hậu, hoặc nghiên cứu nghề nuôi mới thích ứng với biến đổi khí hậu, vv...

sẽ được hoan nghênh. Nhưng nếu Chính phủ đầu tư trực tiếp cho người nuôi tôm để qua đó thu được năng suất cao, sản lượng nhiều, giá thành hạ thì được coi là sự trợ giúp của Chính phủ để tạo ra lợi thế cạnh tranh cho sản phẩm và sẽ bị những quốc gia có sản phẩm cùng loại kiện đòi đánh thuế để thu lại phần chênh lệch do Chính phủ đã đầu tư thông qua thu thuế chống trợ cấp của Chính phủ.

Hiểu rõ được những quy định của WTO và các tổ chức thuộc Liên hợp quốc, các nhà hoạch định chính sách, các doanh nhân sẽ tránh được những rủi ro đáng tiếc xảy ra.

2.2. Quá trình tháo gỡ các “rào cản phi thuế quan” cho hàng thủy sản Việt Nam.

Căn cứ vào quy định tổ chức Thương mại thế giới, các quốc gia và tổ chức Liên quốc gia đã công bố các rào cản TBT và rào cản SPS áp đặt đối với hàng thủy sản của nước ngoài muốn xâm nhập vào thị trường nước họ. Đi tiên phong trong lĩnh vực này là Ủy ban Liên minh châu Âu – EU với chỉ thị 91/493/EC quy định nước thứ 3 (nước ngoài EU) muốn xuất khẩu thủy sản vào EU phải tương đương với EU về hệ thống văn bản pháp quy trong kiểm soát an toàn thực phẩm; Về chức năng, nhiệm vụ và năng lực hoạt động của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong kiểm tra điều kiện sản xuất các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản vào EU; Các doanh nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu vào EU phải có điều kiện nhà xưởng và trang thiết bị và chương trình HACCP tương đương với doanh nghiệp cùng loại của EU. Chỉ thị 91/492/EC quy định vùng thu hoạch nhuyễn thể 2 mảnh vỏ phải kiểm soát các chỉ tiêu kim loại nặng, vi sinh vật gây bệnh và các loại độc tố gây tiêu chảy (PSP), độc tố gây liệt cơ (DSP) và độc tố gây mất trí nhớ (ASP)...Để đáp ứng yêu cầu trên, ngày 26/8/1994, được sự chấp thuận của Chính phủ, Bộ thủy sản đã thành lập Trung tâm kiểm tra chất lượng và vệ sinh thủy sản (NAFIQACEN). Trung tâm có nhiệm vụ giúp Bộ trưởng Bộ thủy sản xây dựng hệ thống văn bản pháp quy và hướng dẫn các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thủy sản xuất khẩu của ngành vượt qua rào cản SPS của thị trường Liên minh châu Âu. Sau rất nhiều nỗ lực, đến tháng 11/1999, EU chấp nhận Việt Nam được phép xuất khẩu vào EU và cũng trong tháng 11/1999, Cục Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ - FDA đã chấp nhận danh sách 97 doanh nghiệp Việt Nam đã triển khai kiểm soát An toàn thực phẩm theo quan điểm HACCP và được phép xuất khẩu thủy sản vào Hoa Kỳ.

Từ bài học kinh nghiệm đầu tiên nêu trên, Trung tâm kiểm tra Chất lượng và Vệ sinh thủy sản NAFIQACEN (sau này là Cục Quản lý Chất lượng An toàn vệ sinh và Thú y Thủy sản – NAFIQAVED và hiện nay là Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản - NAFIQAD) đã đồng hành cùng doanh nghiệp vượt qua các loại rào cản SPS, TBT và các loại rào cản khác, giúp cho thủy sản Việt Nam có mặt tại 145 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, trong đó có 20 quốc gia/ liên quốc gia yêu cầu

phải ký kết các văn bản thoả thuận song phương với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền Việt Nam như sau:

TT	Yêu cầu	Điều kiện	Mức độ ảnh hưởng tới TS miền Trung
1.	Liên minh EU (tất cả sản phẩm thủy sản)		
1.1	SPS. Phải tương đương với EU về luật pháp, cơ quan kiểm soát và doanh nghiệp	- Danh sách doanh nghiệp do EU công nhận - Từng lô hàng phải có chứng nhận ATTP của NAFIQAD	Cao
1.2	SPS. Vùng thu hoạch nhuyễn thể 2 mảnh vỏ phải kiểm soát an toàn thực phẩm		
1.3.	TBT. Thủy sản khai thác tự nhiên phải thực hiện IUU		
1.4	TBT. Xuất khẩu cá ngừ phải có chứng nhận không làm hại động vật quý hiếm		
2	Na uy (tất cả sản phẩm thủy sản)	Quy định giống EU	Cao
3	Thụy sỹ (tất cả sản phẩm thủy sản)	Quy định giống EU	Cao
4	Cộng hòa Secbia (tất cả sản phẩm thủy sản)		
4.1	SPS. Doanh nghiệp phải áp dụng HACCP	- Danh sách doanh nghiệp do Secbia công nhận - Lô hàng phải có chứng nhận ATTP của NAFIQAD	Trung bình
4.2	SPS. Sản phẩm phải đảm bảo an toàn thực phẩm		
5	Hàn Quốc (tất cả sản phẩm thủy sản)		
5.1	SPS. Doanh nghiệp phải áp dụng HACCP	- Danh sách doanh nghiệp do Hàn Quốc công nhận - Lô hàng phải có chứng nhận ATTP của NAFIQAD	Cao
5.2	SPS. Sản phẩm phải đảm bảo an toàn thực phẩm		
5.3	TBT. Phòng kiểm nghiệm phải được Hàn Quốc công nhận <i>Chú thích: thủy sản Hàn Quốc xuất sang Việt Nam cũng kiểm soát như trên</i>		
6	Trung Quốc (tất cả sản phẩm thủy sản)		
6.1	SPS. Doanh nghiệp phải áp dụng HACCP	- Danh sách doanh nghiệp do Trung Quốc công nhận - Lô hàng phải có chứng nhận ATTP của NAFIQAD	Cao
6.2	SPS. Sản phẩm phải đảm bảo an toàn thực phẩm		
6.3	TBT. Sản phẩm khai thác tự nhiên phải chứng nhận IUU <i>Chú thích: thủy sản Trung Quốc xuất sang Việt Nam cũng kiểm soát như trên</i>		

TT	Yêu cầu	Điều kiện	Mức độ ảnh hưởng tới TS miền Trung
7	Liên minh hải quan: Nga, Belarus, Kazaxtan (tất cả sản phẩm thủy sản)		
7.1	SPS. Sản phẩm phải đảm bảo an toàn thực phẩm.	- Danh sách doanh nghiệp do Liên minh hải quan công nhận - Lô hàng phải có chứng nhận ATTP của NAFIQAD	Thấp
7.2	TBT. Thủy sản khai thác tự nhiên phải chứng nhận nguồn gốc xuất xứ. <i>Chú thích: Sản phẩm TS liên minh xuất sang Việt Nam cũng kiểm soát như trên.</i>		
8	France Polinesya (tất cả sản phẩm thủy sản)		
-	SPS. Sản phẩm phải đảm bảo an toàn thực phẩm	- Lô hàng phải có chứng nhận ATTP của NAFIQAD	Trung bình
9	Đài Loan (Thủy sản sống: giáp xác, nhuyễn thể sống, cá sống phiêu, trứng cá đã thụ tinh, đồ hộp)		
-	SPS. Sản phẩm phải đảm bảo an toàn thực phẩm và an toàn bệnh dịch thủy sản	- Lô hàng phải có chứng nhận An toàn bệnh dịch của NAFIQAD.	Cao
10	Braxin (tất cả sản phẩm thủy sản)		
10.1	SPS. Doanh nghiệp phải áp dụng HACCP	Danh sách doanh nghiệp do Braxin công nhận - Lô hàng phải có chứng nhận ATTP của NAFIQAD	Trung bình
10.2	SPS. Sản phẩm phải đảm bảo an toàn thực phẩm <i>Chú thích: thủy sản Braxin xuất sang Việt Nam cũng kiểm soát như trên</i>		
11	Newziland (Cá tra, ba sa nhuyễn thể 2 mảnh vỏ)		
-	SPS. Sản phẩm phải đảm bảo an toàn thực phẩm, An toàn bệnh dịch.	- Lô hàng phải có chứng nhận ATTP của NAFIQAD	Thấp
12	Ucraina (Cá tra, ba sa)		
12.1	SPS. Doanh nghiệp phải áp dụng HACCP	- Danh sách doanh nghiệp do Ukraina công nhận - Lô hàng phải có chứng nhận ATTP của NAFIQAD	Thấp
12.2	SPS. Vùng nuôi phải kiểm soát An toàn thực phẩm		
12.3	SPS. Sản phẩm phải đảm bảo an toàn thực phẩm		
13	Papua Newguinea (Cá tra, ba sa)		

TT	Yêu cầu	Điều kiện	Mức độ ảnh hưởng tới TS miền Trung
-	SPS. Sản phẩm phải đảm bảo an toàn thực phẩm	- Lô hàng phải có chứng nhận ATTP của NAFIQAD	Thấp
14	Peru (tất cả sản phẩm thủy sản)		
-	SPS. Sản phẩm phải đảm bảo an toàn thực phẩm	- Lô hàng phải có chứng nhận ATTP của NAFIQAD	Trung bình
15	Macedonia (tất cả sản phẩm thủy sản)		
-	SPS. Sản phẩm phải đảm bảo an toàn thực phẩm	- Lô hàng phải có chứng nhận ATTP của NAFIQAD	Trung bình
16	Indonexia (tất cả sản phẩm thủy sản)		
16.1	SPS. Doanh nghiệp phải áp dụng HACCP	- Danh sách doanh nghiệp do Indonexia công nhận - Lô hàng phải có chứng nhận ATTP của NAFIQAD	Cao
16.2	SPS. Sản phẩm phải đảm bảo an toàn thực phẩm <i>Chú thích: Sản phẩm TS Indonexia xuất sang Việt Nam cũng kiểm soát như trên.</i>		
17	Argentina (tất cả sản phẩm thủy sản)		
17.1	SPS. Doanh nghiệp phải áp dụng HACCP	- Danh sách doanh nghiệp do Argentina công nhận - Lô hàng phải có chứng nhận ATTP của NAFIQAD	Trung bình
17.2	SPS. Sản phẩm phải đảm bảo an toàn thực phẩm		
18	Nhật Bản (tất cả sản phẩm thủy sản)		
18.1	SPS. Doanh nghiệp phải áp dụng HACCP	- Phát hiện 1 lô hàng không an toàn thực phẩm sẽ kiểm tra liên tục 10 lô. - Có trên 5 doanh nghiệp bị phát hiện cùng 1 chỉ tiêu sẽ cảnh báo toàn bộ ngành hàng	Cao
18.2	SPS. Sản phẩm phải đảm bảo an toàn thực phẩm		
19	Mỹ (tất cả sản phẩm thủy sản)		

TT	Yêu cầu	Điều kiện	Mức độ ảnh hưởng tới TS miền Trung
19.1	SPS. Doanh nghiệp phải áp dụng HACCP	- Phát hiện lô hàng không an toàn thực phẩm sẽ kiểm tra liên tục 5 lô. - Sẽ cảnh báo cấp quốc gia nếu 5 lô cùng vi phạm 1 chỉ tiêu	Cao
19.2	SPS. Sản phẩm phải đảm bảo an toàn thực phẩm.		
19.3	TBT. Khai thác thủy sản không gây hại đối với động vật hoang dã trong sách Đỏ.		
20	Canada (tất cả sản phẩm thủy sản)	Điều kiện giống Mỹ	Cao

Nhận xét và đề xuất

Đến nay mới có 49 quốc gia (18 quốc gia, một vùng lãnh thổ - Đài Loan và 2 tổ chức liên quốc gia gồm: Liên minh hàng hải gồm 3 quốc gia và EU gồm 28 quốc gia) trên tổng số 145 thị trường nhập khẩu thủy sản Việt Nam, đã dựng lên rào cản TBT, SPS, nhưng 49 thị trường này chiếm 97 đến 98% tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Từ đó rút ra mấy bài học sau đây:

Bài học thứ nhất: Muốn sản xuất trong nước phát triển thì phải phát triển thị trường. Điều đầu tiên và quan trọng nhất để có thể mở cửa thị trường là phải tìm hiểu những “*rào cản thuế quan*” đặc biệt là “*rào cản phi thuế quan*” ở những thị trường đó. Đối với những quốc gia, liên quốc gia yêu cầu phải có sự kiểm soát TBT, SPS của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thì quốc gia xuất khẩu không có cách nào khác là phải xây dựng hệ thống văn bản pháp quy, xây dựng cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có hệ thống tổ chức đáp ứng yêu cầu của mọi quốc gia trên thế giới.

Bài học thứ hai: Các quốc gia trên thế giới đặt ra các quy định và rào cản có nội dung tương tự nhau (cùng hướng tới an toàn thực phẩm; an toàn môi trường; an toàn bệnh dịch động thực vật, chống gian lận thương mại,...) nhưng trình tự thủ tục và biện pháp kiểm soát giữa các quốc gia không giống nhau. Do vậy cần hiểu đúng và đầy đủ quy định của từng quốc gia để có biện pháp đáp ứng không chỉ ở cấp độ cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà còn phải phổ biến cho các thành viên trong chuỗi cùng biết và thực hiện. Điều cần chú ý rằng những quy định trên có thể thay đổi theo thời gian, do vậy cần thường xuyên truy cập thông tin quy định của các thị trường để không bị bất ngờ khi những quy định mới đến thời hạn hiệu lực.

Bài học thứ ba: Mục tiêu của Tổ chức Thương mại thế giới là xây dựng hệ thống thương mại quốc tế tự do – khách quan-công bằng và bình đẳng giữa các quốc gia thành viên. Do vậy, một mặt cần chuẩn bị hệ thống luật pháp, hệ thống cơ quan

kiểm soát và điều kiện sản xuất của doanh nghiệp đáp ứng quy định của quốc gia nhập khẩu, mặt khác cần dựng lên các rào cản SPS, TBT để yêu cầu các quốc gia xuất khẩu thủy sản phải đạt được chất lượng tốt, an toàn cho người sử dụng, không gian lận và để đáp ứng những yêu cầu này nước xuất khẩu phải tăng thêm chi phí và giá thành sản xuất vì thế sẽ tăng cao dẫn đến sức cạnh tranh về giá của sản phẩm đối với hàng hóa cùng loại sản xuất trong nước sẽ giảm xuống.

Bài học thứ tư: Khi nghiên cứu quy định về TBT, SPS của các quốc gia, cần căn cứ vào nguyên tắc của WTO, nếu quốc gia nhập khẩu đưa ra mức quy định trong TBT, SPS thiếu cơ sở khoa học, hoặc nhằm mục đích tạo ra rào cản thương mại để giảm sức cạnh tranh đối với hàng nhập khẩu, thì chúng ta có quyền yêu cầu sửa đổi. Nếu quốc gia nhập khẩu không sửa, chúng ta có quyền kiện ra tổ chức Thương mại thế giới để phân xử. Trong các năm qua NAFIQACEN, NAFIQAVED và NAFIQAD đã hành động theo nguyên tắc này và đã một số lần thành công. Ví dụ năm 2003 Việt Nam đã cùng các quốc gia Đông Nam Á yêu cầu EU nâng mức phát hiện Chlorinphenicol từ giới hạn bằng “0” lên 0.1 ppb, (phần tỷ), Nitrofurans từ “0” lên 0.2 ppb, Malachite green từ “0” lên 0.2 ppb. Năm 2013 Nhật Bản đã nâng mức giới hạn Quinvaxem từ “0” lên 0.2 ppb. Năm 2013, EU chấp nhận bỏ việc cảnh báo lô hàng khi phát hiện vi khuẩn *Listeria monocytogene* trong cá tra đông lạnh – là mặt hàng phải nấu chín trước khi ăn, vv...

Bài học thứ năm: Nếu xét trên giác độ rào cản TBT và SPS liên quan đến thủy sản miền Trung thì chỉ có 9 quốc gia, nhóm quốc gia có nguy cơ cao (liên quan đến tất cả sản phẩm thủy sản miền Trung); 7 quốc gia có mức độ rủi ro trung bình, còn 4 quốc gia chủ yếu nhập khẩu cá tra do vậy chỉ có mức độ rủi ro thấp (có thể nói là không liên quan). Do vậy trước khi sản xuất một mặt hàng cần biết rõ sản phẩm sẽ xuất khẩu tới quốc gia nào và họ có những quy định gì về TBT, SPS để chuẩn bị sẵn điều kiện đáp ứng.

2.4. Những rào cản phi thuế quan mới đã xuất hiện trong năm 2014

TT	Quốc gia	Loại rào cản	Nội dung rào cản	Mức độ ảnh hưởng tới TS miền Trung
1	EU	TBT	Chấn chỉnh hệ thống kiểm tra chứng nhận thủy sản khai thác tự nhiên: - Có khai báo - Có kiểm soát Theo hướng thực chất và hiệu quả	Cao
2	Liên minh	SPS	- Luật Việt Nam về ATTP chưa tương	Thấp

TT	Quốc gia	Loại rào cản	Nội dung rào cản	Mức độ ảnh hưởng tới TS miền Trung
	Hải quan Nga, Belarus, Kazaxtan		thích với luật ATTP của Liên minh Hải quan. - Cơ sở nuôi chưa kiểm soát được việc sử dụng kháng sinh. - Phòng kiểm nghiệm chưa đáp ứng yêu cầu.	
3	Hoa Kỳ			
3.1	Luật hiện đại hóa thực phẩm Hoa Kỳ	SPS và TBT	- Chuyển việc chịu trách nhiệm về an toàn thực phẩm lô hàng nhập khẩu từ nhà nhập khẩu sang nhà sản xuất. - Từng lô hàng phải có lý lịch (truy xuất nguồn gốc chỉ là phương tiện). - Cục Thực phẩm dược phẩm FDA sẽ thẩm tra và thừa nhận tổ chức công nhận; kiểm tra và công nhận tổ chức kiểm tra và chứng nhận. Điều kiện sản xuất ATTP; tổ chức kiểm tra chứng nhận lô hàng đủ điều kiện ATTP xuất khẩu vào Hoa Kỳ.	Thấp
3.2	Luật trang trại	SPS	Chuyển nhiệm vụ kiểm soát an toàn thực phẩm đối tượng cá da trơn (bao gồm cá tra và ba sa của Việt Nam) từ Bộ Y tế sang Bộ nông nghiệp Hoa Kỳ.	Thấp
3.3	Điều tra chống bán phá giá cá tra	Chống bán phá giá	Có nguy cơ lặp lại	Thấp
3.4	Điều tra chống bán phá giá tôm	Chống bán phá giá	Có nguy cơ lặp lại	Cao

Nhận xét và đề xuất giải pháp tháo gỡ

- Đối với yêu cầu của Liên minh Hải quan Nga, Belarus, Kazaxtan:

Vấn đề cần quan tâm là ngoài rào cản SPS, Liên minh quốc gia này có yêu cầu gì khác không? Từ đó có sự phối hợp giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công thương để cùng tìm hiểu nguyên nhân, và giải pháp tháo gỡ đồng bộ mới có thể nhanh chóng mở cửa lại thị trường.

Rào cản này ảnh hưởng lớn đến thủy sản miền Trung

- Đối với Luật hiện đại hóa thực phẩm sửa đổi của Hoa Kỳ:

Do trước đây các doanh nghiệp chế biến thủy sản Việt Nam đã kiểm soát chất lượng theo HACCP nên khi luật này có hiệu lực việc xuất khẩu thủy sản (ngoại trừ cá tra) vẫn tiếp tục diễn ra bình thường. Tuy nhiên việc xuất khẩu sản phẩm động vật và thực vật trên cạn nếu không có những thay đổi căn bản về quan điểm là: Phải kiểm soát an toàn thực phẩm theo quá trình từ trang trại đến bàn ăn thì việc xuất khẩu nông sản vào Hoa Kỳ và các quốc gia có yêu cầu tương tự tiếp tục gặp khó khăn. Mặt khác Luật hiện đại hóa Thực phẩm sửa đổi Hoa Kỳ quy định nội dung thừa nhận và công nhận cơ quan kiểm soát an toàn thực phẩm ở nước sở tại. Nếu chúng ta chuẩn bị tốt những điều kiện để được FDA thừa nhận và công nhận thì sẽ giảm rất nhiều chi phí phải đóng cho cơ quan kiểm soát nước ngoài.

Rào cản này ảnh hưởng đến động vật, thực vật trên cạn của miền Trung

- Đối với đạo luật trang trại của Hoa Kỳ:

Để việc xuất khẩu cá tra vào Hoa Kỳ không bị gián đoạn, trong thời gian sớm nhất có thể, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần 1) Tổ chức dịch toàn bộ Luật trang trại ra tiếng Việt. 2) Xây dựng một tổ chức kiểm soát cơ sở nuôi và chế biến cá tra đáp ứng yêu cầu của Luật trang trại. 3) Phổ biến quy định của Luật trang trại tới tất cả các đối tượng trong có liên quan. 4) Thống kê các doanh nghiệp, các cơ sở nuôi trồng đang và sẽ có nhu cầu xuất khẩu cá tra vào Hoa Kỳ để có biện pháp hỗ trợ đổi mới công nghệ xây dựng và triển khai chương trình kiểm soát theo quy định của luật Trang trại Hoa Kỳ.

Loại rào cản này ít ảnh hưởng đến xuất khẩu thủy sản miền Trung.

- Đối với quy định của EU về khai thác thủy sản tự nhiên có khai báo và có kiểm soát (gọi tắt là IUU):

Điều quan trọng trước tiên là Cục khai thác và Bảo vệ Nguồn lợi thuộc Tổng cục Thủy sản phải 1) Rà soát về triển khai IUU đảm bảo tương thích với quy định của EU. 2) Triển khai hoạt động kiểm soát đi vào nề nếp và thực chất (tránh đối phó). 3) Trên cơ sở đó làm văn bản giải trình những khuyến cáo của EU. Chỉ có làm như vậy thì việc xuất khẩu thủy sản khai thác tự nhiên của Việt Nam mới có chỗ đứng vững chắc tại thị trường Liên minh EU.

Loại rào cản này có ảnh hưởng rất lớn đến thủy sản miền Trung.

- Đối với rào cản chống phá giá:

Điều chúng ta mong muốn nhiều năm nhưng đến nay vẫn chưa làm được đó là tình trạng cạnh tranh giữa các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản Việt Nam để giành giật khách hàng, giành giật thị trường bằng biện pháp giám giá bán. Sau khi có hợp đồng với giá bán thấp các doanh nghiệp này đã ép giá mua nguyên liệu của người sản xuất, đã giảm cấp chất lượng để nâng định mức thành phẩm/ nguyên liệu (nhất là cá tra) để rồi chính giá bán thấp đã dẫn tới bị đánh thuế chống bán phá giá. Để giải quyết vấn đề này, ngoài sự cố gắng của mỗi doanh nghiệp, vai trò của các Hiệp hội ngành nghề trong kiểm soát và ngăn chặn những doanh nghiệp bán dưới giá thành sản xuất, trong đó sự hỗ trợ của Nhà nước về cơ chế để các Hội nghề nghiệp chuyển từ vai trò tuyên truyền, vận động sang vị trí kiểm soát ngăn chặn là rất cần thiết. Làm được như vậy thì tiền đã đầu tư cho sản xuất giống, nuôi thương phẩm và chế biến của chúng ta sẽ ở lại Việt Nam và hiện tượng kiện chống bán phá giá mới có khả năng được loại trừ.

Trong 2 mặt hàng có nguy cơ bị kiện tái kiện chống bán phá giá thì *mặt hàng tôm nuôi ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất của miền Trung.*

3. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

Trong thời kỳ hội nhập kinh tế; quá trình phát triển của các quốc gia trên toàn cầu có liên quan chặt chẽ đến bảo vệ môi trường và chống biến đổi khí hậu. Xu thế chung của các quốc gia trên thế giới là tạo dựng các rào cản TBT nhằm mục đích đảm bảo chất lượng và giá trị dinh dưỡng của sản phẩm; bảo vệ động thực vật quý hiếm; chống gian lận thương mại; Tạo dựng rào cản SPS nhằm buộc các quốc gia xuất khẩu phải đảm bảo An toàn thực phẩm, An toàn bệnh dịch; An toàn môi trường, An sinh xã hội. Tạo dựng các rào cản khác nhằm bảo vệ quyền, kiểu dáng công nghiệp, thương hiệu và chống cạnh tranh không bình đẳng. Số lượng quốc gia sử dụng các loại rào cản này sẽ ngày càng nhiều hơn. Mức độ của các loại rào cản ngày càng chặt chẽ hơn.

- Việt Nam đang trong thời kỳ phát triển kinh tế thị trường theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Năm 2013, mặt hàng thủy sản đạt giá trị kim ngạch xuất khẩu 6,7 tỷ USD, giải quyết việc làm cho hơn 2,5 triệu nông dân, ngư dân. Để tiếp tục phát triển Việt Nam cần. 1) Phát triển sản xuất hàng hóa theo chuỗi sản xuất, gắn liền với kiểm soát an toàn bệnh dịch, an toàn thực phẩm, an toàn môi trường và an sinh xã hội, 2) Thường xuyên truy cập và hiểu đầy đủ, chính xác yêu cầu của từng quốc gia nhập khẩu trên thế giới để có chính sách phù hợp. 3) Đồng thời phải khẩn trương xây dựng các rào cản TBT, rào cản SPS và các loại rào cản khác, áp đặt cho thủy sản nước ngoài muốn xuất khẩu vào Việt Nam nhằm đảm bảo thủy sản nhập khẩu vào Việt Nam

phải đáp ứng các yêu cầu này, chi phí sản xuất sẽ tăng cao và sức cạnh tranh về giá đối với thủy sản sản xuất trong nước sẽ giảm xuống.

- Đối với thủy sản miền Trung: Cần căn cứ vào đặc điểm sản xuất nguyên liệu và chủng loại sản phẩm của vùng và từng tỉnh thuộc miền Trung để xác định quốc gia nào, thị trường nào kèm theo những yêu cầu về rào cản TBT, SPS sẽ là thị trường trọng điểm của toàn vùng và từng tỉnh. Từ đó xác định chiến lược và bước đi thích hợp. Trong quá trình chuẩn bị điều kiện đáp ứng rào cản SPS, TBT của thị trường, ngoài việc tận dụng tối đa sự trợ giúp của Chính phủ, các Tỉnh và các Doanh nghiệp cần chủ động xây dựng các tổ chức đánh giá chứng nhận, các phòng kiểm nghiệm được quốc tế công nhận qua đó giảm được chi phí trả cho các cơ quan dịch vụ, đồng thời nâng cao hiệu lực kiểm soát của từng Địa phương và từng Doanh nghiệp.